TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2017/DS - ST
Ngày: 15/12/2017

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất'

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và bà Vũ Thị Lan Anh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thuận Thành.

Đại diện VKSND huyện Thuận Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Thành mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 04/2016/TLST-DS ngày 08/3/2016; Thụ lý lại ngày 08/3/2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐXX-DS ngày 08/9/2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V Sinh năm 1955
Bà Nguyễn Thị V1 Sinh năm 1959
Đều địa chỉ: Thôn Đ - xã Ng - huyện Th - tỉnh B
Bà Nguyễn Thị V2 Sinh năm 1962
Địa chỉ: thôn L - xã Ng - huyện Th - tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh Ngh SN 1971
Địa chỉ: Khu Th - Kh - TP. B - tỉnh B Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T Sinh năm 1965 Có mặt
Chị Nguyễn Thị H Sinh năm 1966 Có mặt
Địa chỉ: Thôn Đ - xã Ng - huyện Th - tỉnh B

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị H1 - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH số 1 Bắc Ninh thuộc đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh – Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng bên bị đơn:
Bà Nguyễn Thị L SN 1932
Anh Nguyễn Văn H SN 1994
Chị Nguyễn Thị Ph SN 1997
Đều địa chỉ: Thôn Đ - xã Ng - huyện Th - tỉnh B

Bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Ph đều ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 trú tại: Thôn Đ - xã Ng - huyện Th - tỉnh B. Làm đại diện (Có mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án đồng nguyên đơn trình bày như sau:

Bố mẹ chúng tôi là ông Nguyễn Văn H1 mất năm 1966, bà Nguyễn Thị Kh mất năm 2009. Bố mẹ chúng tôi sinh được 03 chị em là Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1 và Nguyễn Thị V2. Khi bố mẹ chúng tôi mất đều không để lại di chúc cho chị em chúng tôi. Khi còn sống bố mẹ tôi có tạo dựng được khối tài sản chung gồm 01 ngôi nhà ngói 05 gian gỗ lim và công trình phụ xây dựng trên thửa đất số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229 m2 mang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị Kh được UBND huyện Thuận Thành cấp GCNQSDĐ vào năm 1997.

Do chị em chúng tôi đã đi lấy chồng và có gia đình riêng, còn mẹ chúng tôi vẫn ở tại ngôi nhà trên thửa đất đó, năm 2003 chị em tôi thấy anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H là con của chú ruột tôi đến tháo dỡ ngôi nhà trên của mẹ chúng tôi và xây dựng ngôi nhà trần khoảng 75 m2 trên diện tích đất đó thì chị em chúng tôi có hỏi thì anh T nói xây nhà cho Bác (Mẹ tôi) ở, anh T đã lợi dụng vào việc mẹ chúng tôi tuổi đã cao, không còn minh mẫn và anh T nghĩ rằng bố mẹ chúng tôi không có con trai nên đã lợi dụng vào việc đến làm nhà để thờ cúng tổ tiên với ý thức nhằm chiếm đất của bố mẹ chúng tôi. Chị em chúng tôi không đồng ý và hai bên đã xảy ra mâu thuẫn nhiều lần. Năm 2009 mẹ chúng tôi mất chị em chúng tôi đứng lên lo công việc cho mẹ tôi xong thì chị em tôi đã có đơn đề nghị gửi đến UBND xã Ng kiện vợ chồng anh T, UBND xã đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Chị em tôi xác định việc anh T đã làm nhà trên thửa đất của bố mẹ chúng tôi mà không được sự đồng ý của chị em chúng tôi đã xâm phạm đến quyền lợi của chị em chúng tôi.

Nay chị em tôi yêu cầu anh T chị H phải tháo dỡ ngôi ngôi nhà trần xây dựng trên diện tích đất của mẹ chúng tôi và trả lại cho chị em chúng tôi thửa đất số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229 m2 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Kh ở Thôn Đ - xã Ng - huyện Th - tỉnh B. Trong quá trình giải quyết vụ án đồng nguyên đơn đã có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Anh Ngh thay mặt nguyên đơn tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn trình bày như sau:

Về nguồn gốc thửa đất số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229 m2 mang tên bà Nguyễn Thị Kh ở thôn Đ, Ng, Th, B là của ông Nội chúng tôi để lại cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị Kh. Ông nội tôi có 02 thửa đất một thửa để lại cho ông H1 vợ là bà Kh và một thửa cho bà Nguyễn Thị H2. Năm 1995 địa phương đã thực hiện

chủ trương đo đạc để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho các hộ trong thôn. Năm 1996 bà Kh và bà H2 đã đổi đất cho nhau bà H2 sang thửa đất của bà Kh và chị V con gái của bà Kh năm 1997 đã làm nhà và ở thửa đất của bà H2, nhưng hai bên chỉ nói với nhau bằng miệng mà không làm thủ tục tại cấp có thẩm quyền, do bà H2 không có chồng con nên trong họ đã họp và thống nhất giao cho vợ chồng tôi được thừa tự mảnh đất của bà H2 và có trách nhiệm trông nom bà H2. Năm 1997 UBND huyện Thuận Thành đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất trên tuy nhiên vợ chồng tôi đang ở tại thửa đất của bà Kh còn chị V đang ở tại thửa đất của bà H2 và bà Nguyễn Thị Kh đề nghị với chúng tôi cho chị V tiếp tục sử dụng thửa đất của bà H2 và giao trả vợ chồng tôi được sử dụng thửa đất của bà Kh và đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà cho vợ chồng tôi quản lý, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H2 thì vợ chồng tôi giao cho chị V quản lý. Năm 2003 khi bà Kh vẫn còn sống vợ chồng tôi đã làm nhà 03 tầng trên thửa đất số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229 m2 mang tên Nguyễn Thị Kh, khi làm nhà xong thì bà Kh vẫn ở cùng vợ chồng tôi 06 năm sau bà Kh mới mất, từ thời gian đó đến nay thì không có sự tranh chấp với ai.

Nay chị V, V1 và chị V2 có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả lại thửa đất và tháo dỡ ngôi nhà 03 tầng xây dựng trên thửa số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích đất 229m2 tại thôn Đ, xã Ng mang tên Nguyễn Thị Kh để trả lại đất cho các chị thì vợ chồng tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H cũng nhất trí với đề nghị của bị đơn và không nhất trí với yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng bên bị đơn:

Anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Ph trình bày: Về nguồn gốc thửa đất mà hiện nay bố mẹ tôi và vợ chồng chúng tôi đang ở trước đây khi còn nhỏ thì tôi được biết bố mẹ tôi được thừa tự mảnh đất này của bà Nguyễn Thị H2. Năm 2003 bố mẹ chúng tôi làm nhà và các công trình xây dựng trên thửa đất này và gia đình tôi cùng ở từ đó đến nay. Việc xây dựng nhà cửa và các công trình xây dựng trên đất là do bố mẹ tôi làm lúc này tôi còn nhỏ. Năm 2014 tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị Ph thì bố mẹ tôi cho vợ chồng tôi ở tại thửa đất này và bố mẹ tôi hiện nay đang ở chỗ khác. Tôi xác định từ khi vợ chồng tôi ở tại nhà và đất đó thì vợ chồng tôi không có xây dựng gì thêm. Do vậy tôi xác định về thửa đất cùng ngôi nhà vợ chồng tôi đang ở hiện nay mà các bà V, bà V1 và bà V2 đang khởi kiện kiện yêu cầu bố mẹ tôi phải trả lại thì vợ chồng tôi xác định tôi không có liên quan gì mà toàn bộ tài sản trên đất là của bố và mẹ tôi nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bà L trình bày: Tôi xác định về nguồn gốc thửa đất mang tên bà Nguyễn Thị Kh hiện nay các chị V, chị V1 và chị V2 đang khởi kiện đòi lại là của các cụ tôi để

lại. (Các cụ để lại 02 thửa) 01 thửa đất cho ông Nguyễn Văn H1 vợ là Nguyễn Thị Kh và 01 thửa đất cho bà Nguyễn Thị H2. Do ông H1, bà Kh không có con trai mà chỉ có 3 con gái là chị V, chị V1 và chị V2 còn bà H2 không có chồng con gì. Hai thửa đất này cách nhau ngõ nhỏ, năm 1997 chị V làm nhà trên thửa đất của bà H2, thửa đất đứng bà Kh thì bà H2 ở đến tháng 9/2003 bà H2 chết, sau khi bà H2 chết thì anh em họ tộc nhà tôi có họp và thống nhất cho con trai tôi là anh T được hưởng thừa tự mảnh đất của bà H2, cuối năm 2003 anh T đã xây dựng nhà cửa trên thửa đất đó và cả gia đình đã sinh sống ở từ đó đến nay, tôi xác định việc xây dựng nhà cửa và công trình xây dựng trên thửa đất đó là do con trai và con dâu tôi chứ tôi già yếu không có công sức gì. Tôi được biết việc đổi hai thửa đất giữa bà H2 và bà Kh là do chị em với nhau nên hai bà đã không làm thủ tục gì tại cấp có thẩm quyền mà chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng. Nay anh T con trai tôi đang ở trên thửa đất của bà Nguyễn Thị Kh, còn thửa đất của bà Nguyễn Thị H2 thừa tự cho anh T thì chị V đang ở. Nay chị em chị V, V1, V2 làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T phải trả lại quyền sử dụng đất tại thửa số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229 m2 và tháo dỡ ngôi nhà 03 tầng xây dựng trên diện tích đất trên mang tên Nguyễn Thị Kh thì tôi không nhất trí với yêu cầu đó.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H, chị Ph và bà L đều ủy quyền cho anh T thay mặt giải quyết tại tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án tiến hành hoà giải nhiều lần song các đương sự không thoả thuận được với nhau và đều đề nghị Toà án xem xét giải quyết

Tại phiên toà hôm nay: Chị V, V2 và chị V1 có mặt tại phiên toà nhưng các chị vẫn uỷ quyền cho anh Nguyễn Anh Ngh tham gia tố tụng tại Toà án và các chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị vợ chồng anh T chị H phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất và trả lại cho các chị diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Kh là mẹ của các chị. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng chỉ đề nghị Toà án xem xét buộc vợ chồng anh T phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất để trả lại cho chị V, chị V2 và chị V1 toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Kh là mẹ của các chị và xử lý tiền chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

Phía luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghi Toà án xem xét việc đổi đất giữa bà Kh với bà H2, do vợ chồng anh T đã xây dựng nhà kiên cố nên giữ nguyên hiện trạng và xem xét đến công sức bảo quản khối tài sản của bà Kh để lại. Bị đơn nhất trí với quan điểm của luật sư và không bổ xung gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, VKSND huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đường lối giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc ra các văn bản tố tụng cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên tòa, Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 157, 158, 165, 166, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 158, 189, 190, 192, 245, 256, 599, 600, 603, 674, 675 và Điều 676 Bộ luật dân sự 2005, Điều 203 Luật đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/9/2009 quy định về án phí lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc đòi lại thửa số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229 m2 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Kh ở thôn Đ, Ng, Th, B. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T chị Nguyễn Thị H phải trả lại cho Chị Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1 và chị Nguyễn Thị V2 thửa đất số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229m2 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng hộ bà Nguyễn Thị Kh ở thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B. Trên đất có ngôi nhà Trần 02 tầng có diện tích 75m2/ 1sàn, sân gạch và tường bao phía Tây và phía Bắc.

Buộc chị Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1 và chị Nguyễn Thị V2 phải liên đới trích trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H giá trị Ngôi nhà trần hai tầng theo biên bản định giá ngày 05/09/2017 là 400.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền công sức trong thời gian duy trì, quản lý, bảo quản thửa đất trên.

Ngoài ra các đương sự phải chịu án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Tòa án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về quyền sử dụng đất, căn cứ vào khoản 9 Điều 26 và Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 203 Bộ luật đất đai Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành thụ lý giải quyết là phù hợp.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn chị Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1 và chị Nguyễn Thị V2 yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H phải trả lại các chị thửa đất số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229m2 mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ bà Nguyễn Thị Kh ở thôn Đ, Ng, Th thửa đất này được UBND huyện Thuận Thành cấp GCNQSDĐ ngày 15/9/1997. Xét nguồn gốc thửa đất trên là của ông Nguyễn Văn H1 mất năm 1966 và bà Nguyễn Thị Kh mất năm 2009 sau khi ông H1 và bà Kh mất không để lại di chúc, ông bà có 03 người con là chị Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1 và chị Nguyễn Thị V2. Ông H1, bà

Kh đã mất nên chị V, V1 và chị V2 có quyền yêu cầu khởi kiện căn cứ vào Điều 158 BLDS 2005 thì yêu cầu khởi kiện là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Mặc dù phía bị đơn anh T chị H cho rằng năm 1996 khi bà H2 và bà Kh còn sống thì giữa hai bà có sự trao đổi đất cho nhau nhưng chỉ là hợp đồng bằng miệng mà không làm thủ tục tại cấp có thẩm quyền, nên anh được thừa tự mảnh đất của bà H2 và đến năm 1997 chị V con gái của bà Kh đã sang làm nhà tại thửa đất của bà H2 còn anh đến năm 2003 đã sang làm nhà tại thửa đất của bà Kh, thời điểm anh làm nhà thì bà Kh vẫn còn sống và bà Kh còn ở với anh 6 năm sau bà Kh mới mất, anh ở đó và hàng năm vẫn hoàn thành mọi nghĩa vụ với nhà nước cho đến khi xảy ra tranh chấp. Việc anh T chị H đã làm nhà và ở tại thửa đất của bà Kh là không có cơ sở, đã xâm phạm quyền sở hữu của các chị V, V1, V2 vì đã không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của chị V, chị V1 và chị V2 là có cơ sở nên cần chấp nhận. Nên cần buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H phải trả thửa đất số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229 m2 mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ bà Nguyễn Thị Kh ở thôn Đ, Ng, Th, B cho các chị V, chị V1 và chị V2 nhưng cần buộc các chị V, V1 và chị V2 có trách nhiệm trích trả bằng tiền giá trị ngôi nhà 02 tầng mà anh T và chị H đã xây dựng trên thửa đất theo biên bản định giá ngày 05/9/2017 có giá trị là 400.000.000 đồng chẵn. Đối với công sức duy trì bảo quản phát triển đối với thửa đất trên trong thời gian vợ chồng anh T ở trong khoảng hơn mười năm nên cần buộc các chị V, V2 và chị V1 phải trích trả công sức cho vợ chồng anh T chị H là 10.000.000 đồng.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định thửa đất theo đơn khởi kiện của đồng nguyên đơn và tài sản trên đất là do bị đơn xây dựng nên đều xác định không có công sức và yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với 01 ngôi nhà ngói 05 gian gỗ lim và công trình phụ xây dựng trên thửa đất trước đây khi anh T làm nhà đã tháo dỡ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay các chị V, V2, V1 và người đại diện theo uỷ quyền không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã nộp số tiền 3.000.000 đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản nay do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản. Buộc bị đơn phải hoàn trả cho đồng nguyên đơn số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên cần áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQHH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cần buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 25, Điều 147, 157, 158, 165, 166, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 158, 189, 190, 192, 245, 256, 599, 600, 603, 674, 675 và Điều 676 Bộ luật dân sự 2005, Điều 203 Luật đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/9/2009 quy định về án phí lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

1. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H phải trả lại cho các Chị Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V1 và chị Nguyễn Thị V2 quyền sử dụng thửa đất số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229 m2 mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị Kh ở thôn Đ, Ng, Th, B.

2. Giao cho chị Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V2, Nguyễn Thị V1 quyền sở hữu và sử dụng thửa đất số 126 tờ bản đồ số 07 có diện tích 229 m2 mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị Kh ở thôn Đ, Ng, Th, B cụ thể các tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà ông B có chiều dài 19,86 m, Phía Tây giáp ngõ xóm có chiều dài 20,65 m, Phía Nam giáp nhà ông C có chiều dài 11,8 m, Phía Bắc giáp nhà ông B có chiều dài 11,75m trên đất có ngôi nhà 02 tầng có diện tích 75m2/1 sàn, sân gạch và tường bao phía Tây và phía Bắc.

3. Buộc chị Nguyễn Thị V, chị Nguyễn Thị V2 và chị Nguyễn Thị V1 có trách nhiệm trích trả anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H tổng số tiền là 410.000.000 đồng (Bốn trăm mười triệu đồng).

4. Về chi phí thẩm định và định giá: Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V2 và chị Nguyễn Thị V1 tổng số tiền 3.000.000 đồng.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H phải chịu 20.400.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V2 và chị Nguyễn Thị V1 mỗi người 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo thứ tự các biên lai thu số 00506, 00508 và 00507 cùng ngày 08/03/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Nguyên đơn, bị đơn người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận: **TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Toà án tỉnh BN.
- VKSND huyện Thuận Thành..
- THA huyện Thuận Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Huy Tuấn